

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI  
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG  
**BỘ MÔN TÀI CHÍNH**

-----\*\*\*-----

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG**  
**Ngành: Tài chính - Ngân hàng**  
**Chuyên ngành đào tạo: Tài chính doanh nghiệp**

**1. Thông tin chung về học phần**

**Tên học phần:**

Tiếng Việt: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

Tiếng Anh: PUBLIC FINANCIAL MANAGEMENT

**Mã học phần:** DTN.02.10

**Số tín chỉ: 02**

**Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 96 tiết**

- |                               |         |
|-------------------------------|---------|
| + Lý thuyết:                  | 24 tiết |
| + Bài tập, kiểm tra :         | 6 tiết  |
| + Thực hành và thảo luận nhóm | 6 tiết  |
| + Tự học:                     | 60 tiết |

**Bộ môn phụ trách học phần:** Bộ môn Tài chính, Khoa Tài chính- Ngân hàng

**Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):**

1) Họ và tên: PGS,TS. Nguyễn Thị Liên

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Thông tin liên hệ: ĐT: 0913588244; Email: [nguyenthilien@fbu.edu.vn](mailto:nguyenthilien@fbu.edu.vn);

2) TS. Trần Quốc Vinh

Chức danh: Chuyên viên cao cấp

Thông tin liên hệ: ĐT: 0913256109; Email: [tranquocvinh@fbu.edu.vn](mailto:tranquocvinh@fbu.edu.vn)

**2. Các môn học tiên quyết:** Tài chính tiền tệ

**3. Mục tiêu của học phần:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về tài chính công (TCC) và quản lý tài chính công (QLTCC), quản lý kinh tế vĩ mô; so sánh tài chính công và tư. Đồng thời cung cấp cho sinh viên kiến thức về NSNN và quản lý NSNN, bao gồm: khái niệm, đặc điểm của NSNN; hệ thống NSNN; quản lý NSNN; nội dung quản lý NSNN; nguyên tắc quản lý NSNN; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền

trong thành lập, sử dụng và quản lý NSNN. Mối quan hệ giữa TCDN và TCC. Bên cạnh đó học phần cung cấp kiến thức về các quỹ ngoài ngân sách: hình thành quỹ; sử dụng và quản lý quỹ ngoài NS. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người lao động trong hình thành, sử dụng và quản lý các quỹ ngoài NSNN.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính công, quản lý tài chính công, nội dung cơ bản của quản lý tài chính công.

Giúp cho sinh viên có kiến thức về ngân sách nhà nước (NSNN), các quỹ ngoài NSNN và quản lý NSNN, quản lý quỹ ngoài NSNN để vận dụng cho công tác chuyên môn.

Trang bị cho sinh viên kiến thức để tiếp cận nguồn NSNN.

Vận dụng quy định của pháp luật về NSNN và các quỹ ngoài NSNN để giải quyết các công việc của đơn vị có liên quan đến sử dụng nguồn NSNN

Chủ động và sáng tạo trong học tập và nghiên cứu môn học; tôn trọng và có trách nhiệm thực hiện pháp luật và lợi ích công; tự tin và có lý tưởng tốt trong cuộc sống xã hội.

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO – Courses learning outcomes)

### 4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

**CLO 1:** Giải thích được các kiến thức cơ bản về: tài chính công và quản lý tài chính công gồm: quan niệm về tài chính công, phân loại tài chính công, quan niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công.

**CLO 2:** Vận dụng kiến thức về quản lý ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; kiến thức về quản lý các quỹ ngoài NS để giải quyết các công việc của đơn vị có liên quan đến sử dụng nguồn NSNN

**CLO 3:** Xử lý được các nghiệp vụ phát sinh trong quản lý tài chính công phát sinh tại đơn vị công tác: quản lý thu NSNN; quản lý chi NSNN; quản lý các quỹ ngoài NSNN.

**CLO 4:** Thực hiện làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổ chức, quản lý, điều hành nhóm làm việc có hiệu quả.

**CLO 5:** Tuân thủ pháp luật đối với công việc, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ cộng đồng, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

**CLO 6:** Có năng lực tự chủ, có khả năng làm việc độc lập; liên kết các kiến thức về TCC đã học trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh tại đơn vị.

### 4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
<b>CLO 1</b>			M							
<b>CLO 2</b>			H							

<b>CLO 3</b>					M					
<b>CLO 4</b>								M		
<b>CLO 5</b>									H	
<b>CLO 6</b>										H
<b>TỔNG HỢP TOÀN BỘ HỌC PHẦN</b>			H		M			M	H	H

*Trong đó:*

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L ( Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

#### **4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

	<b>CLO 1</b>	<b>CLO 2</b>	<b>CLO 3</b>	<b>CLO 4</b>	<b>CLO 5</b>	<b>CLO 6</b>
Phương pháp thuyết giảng	H	H	H	H		
Phương pháp phát vấn	H	H	H	H		M
Phương pháp dạy học nhóm, cặp (thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm)	H	H	H	H	H	M
Hướng dẫn tự học	M	M	M	M		H
Thuyết trình tích cực	H	H	H	H	M	H

*Trong đó:*

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L ( Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

#### **4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)**

<b>Hình thức đánh giá</b>	<b>CLO 1</b>	<b>CLO 2</b>	<b>CLO 3</b>	<b>CLO 4</b>	<b>CLO 5</b>	<b>CLO 6</b>
<b>Chuyên cần</b> (tham gia đủ 100% số buổi)						H
<b>Hoạt động cá nhân tại lớp</b> (phát biểu, thảo luận, trả lời câu hỏi của GV)	H	H	H	H		H
<b>Hoạt động cá nhân tại nhà</b> (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)	M	M	M	M		H

<b>Hoạt động nhóm</b> (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp)	H	H	H	H	H	H
<b>Thực hành</b> (tập diễn tình huống, thực tập, chữa bài tập)	H	H	H		H	M
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>	H	H	H	H		M
<b>Kiểm tra cuối kỳ</b> (tự luận/ vấn đáp/ trắc nghiệm)	H	H	H	H		M

*Trong đó:*

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L ( Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

### 5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Chuẩn bị bài tập thảo luận cá nhân, nhóm được giao.
- Tham gia hai bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

### 6. Học liệu

#### 6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Giáo trình Quản lý Tài chính công. Chủ biên TS.Bùi Tiến Hanh; TS. Phạm Thị Hoàng Phương- NXB Tài chính năm 2016

#### 6.2. Tài liệu tham khảo:

TL1: Giáo trình Lý thuyết quản lý tài chính công, Chủ biên: PGS,TS. Hoàng Thúy Nguyệt; TS. Đòà Bích Hạnh. Nhà XB Tài chính năm 2016

TL2: Giáo trình chi NSNN; Chủ biên: TS.Bùi Tiến Hanh Nhà XB Tài chính năm 2018.

### 7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần quản lý tài chính công thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tài chính- ngân hàng. Nội dung học phần bao gồm: kiến thức chung về tài chính công; ngân sách nhà nước và các quỹ ngoài ngân sách nhà nước. Học phần giúp người học tìm hiểu về cơ hội tiếp cận nguồn ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn tài chính, cũng như tìm hiểu cách tạo lập và sử dụng các quỹ ngoài ngân sách nhà nước.

### 8. Kế hoạch giảng dạy:

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp ( tiết)	Tự học	CDR HP	Hoạt động	Hoạt động học
---------	--------------------	----------------------	--------	--------	-----------	---------------

		LT	BT	TLN, TH	KT	( tiết)		đạy	
Bài 1	Chương 1. Tổng quan về tài chính công 1.1.Quan niệm về TCC 1.2.Quản lý TCC	3					CLO 1,	Thuyết giảng, Phát vấn;	Đọc trước giáo trình
Bài 2	Chương 2: Quản lý NSNN 2.1.Khái niệm, phân loại NSNN 2.2.Nguyên tắc quản lý NSNN	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 4,	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn tự học	Đọc trước GT mục 2.1 + 2.2
Bài 3	Chương 2. (tiếp) 2.3.Phân cấp quản lý NSNN 2.3.1.Khái niệm, nguyên tắc phân cấp QLNSNN 2.3.2.Phân cấp QLNSNN	2		1		6	CLO 1, CLO 2, CLO 4,	Thuyết giảng, Phát vấn Hướng dẫn tự học + thảo luận	Đọc giáo trình mục 2.3 + Tinh huống QLTC
Bài 4	Chương 3: Tổ chức cân đối NSNN 3.1. Khái niệm cân đối NSNN 3.2.Khái niệm và cách tính bội chi NSNN 3.3.Nguyên nhân bội chi NSNN	1		2		6	CLO 2, CLO 4 CLO 5	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn tự học+Thảo luận	Đọc trước GT mục 3.1 + 3,2 + 3,3 + Tinh huống QLTC

Bài 5	Chương 3 (tiếp) 3.4.Nguồn bù đắp bội chi NSNN và sử dụng thặng dư NSNN	2	1			6	CLO 1, CLO 2, CLO 4	Thuyết giảng, Phát vấn  Tổ chức học tập theo nhóm	
Bài 6	Thảo luận				3	6	CLO 2, CLO 4, CLO 5 CLO 6	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn thảo luận	Tình huống QLTCC + GT Lý thuyết QLTCC trang 25 đến 35
Bài 7	Bài tập + KT bài 1 (1 tiết)		2		1	6	CLO 1, CLO 2, CLO 4,	Thuyết giảng, Phát vấn.  Hướng dẫn bài tập.	Tình huống QLTCC + đọc GT Lý thuyết QLTCC trang 45 đến 55
Bài 8	Chương 4: Quản lý các quỹ ngoài NSNN. 4.1.Khái niệm, đặc điểm phân loại các quỹ ngoài nSNN 4.1.1.Khái niệm, đặc điểm 4.1.2.Phân loại	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 4,	Thuyết giảng, Phát vấn; Hướng dẫn tự học	Đọc GT QLTCC từ 75 đến trang 85
Bài 9	Chương 4(tiếp) 4.2.Quản lý một số quỹ ngoài NSNN ở Việt Nam	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 4,	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn tự học.	Tình huống QLTCC + GT lý thuyết QLTCC trang 85 đến 95
Bài 10	Chương 4(tiếp) 4.2.1.Quản lý quỹ bảo hiểm XH	2	1			6	CLO 1, CLO 2, CLO 4,	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn + Bài	GT quản lý TCC

							tập		
Bài 11	4.2.2. Quỹ bảo vệ môi trường	2			1	6	CLO 1, CLO 2, CLO 4, CLO 5	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn thảo luận	Tinh huống QLTCC
Bài 12	.2.3.Quản lý quỹ đầu tư phát triển địa phương	3					CLO 1, CLO 2, CLO 4, CLO 5	Thuyết giảng; Phát vấn;	
	<b>Tổng số tiết</b>	<b>24</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>60</b>			
	<b>Tổng tiết chuẩn</b>	<b>24</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>60</b>			

### 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:

- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy chiếu, laptop, bút dạ viết bảng, phấn, bút chỉ slide.

### 10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

#### 10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá:

##### 10.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên:

Kiểm tra – đánh giá thường xuyên và kiểm tra – đánh giá định kỳ.

##### 10.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ

Hình thức đánh giá	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
--------------------	-----------	--

<b>1. Chuyên cần</b> (kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp: 01 điểm)	10%	<b>Yêu cầu chung:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên có mặt, tham gia đầy đủ 100% buổi học, giờ học.</li> <li>Sinh viên tích cực phát biểu.</li> </ul> <b>Mục đích:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá thái độ học tập: sự chăm chỉ, nghiêm túc, kỷ luật, sự hào hứng, say mê học tập.</li> </ul>
<b>2. Viết bài theo chủ đề (kiểm tra định kỳ: 1 bài)</b>	10 %	<b>Yêu cầu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên làm việc độc lập.</li> <li>Sinh viên sẽ viết các bài theo các chủ đề đã học (khoảng 3-4 chủ đề). Điểm của sinh viên sẽ được đánh giá là điểm trung bình cộng của các bài viết.</li> </ul> <b>Mục đích:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức, phát triển kỹ năng phân tích, kỹ năng trình bày vấn đề bằng văn bản, kỹ năng lập luận.</li> </ul>
<b>3. Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp)</b>	20%	<b>Yêu cầu:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên thực hiện bài kiểm tra trong khoảng thời gian nhất định.</li> </ul> <b>Mục đích:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ghi nhớ kiến thức đã học.</li> <li>Có biện pháp cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả tốt hơn vào cuối kỳ.</li> </ul>
<b>4. Thi hết học phần</b> (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp)	60%	<b>Yêu cầu chung:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sinh viên nghiên cứu kỹ các mục tiêu của bài tập cần đạt.</li> <li>Đọc, ghi nhớ tài liệu để có cơ sở lý thuyết cho bài tập phân tích tình huống.</li> </ul> <b>Mục đích:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, nghiên cứu.</li> <li>Tăng cường khả năng quan sát, tư duy và lập luận logic và phê phán.</li> </ul>

## 10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

### Tiêu chí đánh giá (Rubrics định tính cho bài thi hết học phần tự luận)

Mức chất lượng	Điểm	Mô tả mức chất lượng	Ghi chú
----------------	------	----------------------	---------



<b>Xuất sắc</b>	9-10	Nội dung đầy đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý). Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, xúc tích, logic. Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn. Không có lỗi chính tả.	
<b>Khá – Giỏi</b>	7-8	Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý. Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. Còn lỗi chính tả.	
<b>Trung bình</b>	5-6	Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. Không phân tích. Trình bày không rõ ý, chưa logic. Còn lỗi chính tả.	
<b>Yếu</b>	3-4	Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi. Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%. Không hiểu câu hỏi. Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi). Nhiều lỗi chính tả.	
<b>Kém</b>	0-2	Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%. Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung. Không hiểu câu hỏi. Không hiểu các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi). Diễn đạt không rõ ý. Nhiều lỗi chính tả.	

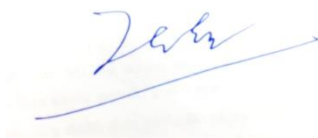
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2019

**Trưởng khoa**



**PGS. TS. Nguyễn Thị Liên**

**Trưởng bộ môn**



**TS. Bạch Đức Hiền**

**Người soạn đề cương**



**PGS, TS. Nguyễn Thị Liên**